Họ và tên:

Chính tả

Câu 1. Tìm các từ

a) Chứa tiếng bắt đầu bằng ***l*** hay ***n*** có nghĩa như sau:

Cùng nghĩa với hiền:	
Không chìm dưới nước:	
Vật dùng để gặt lúa, cắt cỏ:	

b) Chứa tiếng có vần ***an*** hay ***ang*** có nghĩa như sau:

Trái nghĩa với dọc:	
Nắng lâu, không mưa, làm đất nứt nẻ vì thiếu nước:	
Vật có dây hoặc bàn phím để chơi nhạc:	

Câu 2. Điền vào chỗ trống:

xấu sấu

Cây ……. Chữ …….

sẻ xẻ

Chim ……. ……. gỗ

căng căn

……. dặn Kiêu …….

nhằn nhằng

Nhọc ……. Lằng …….

LIVEWORKSHEETS

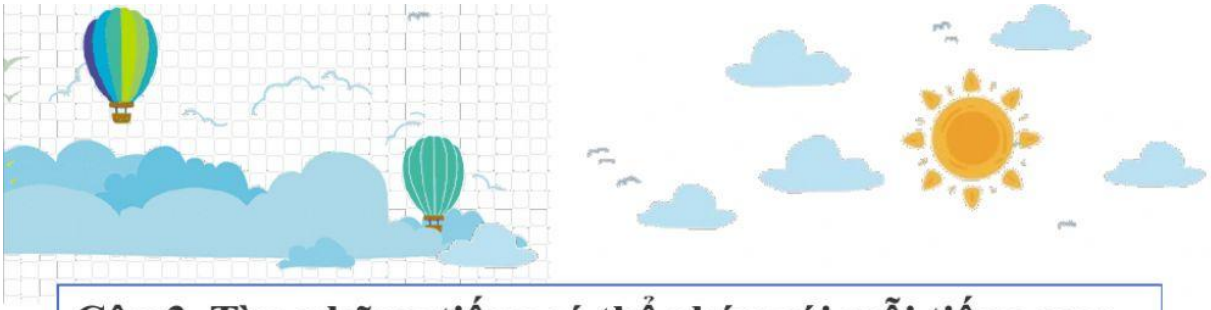

Câu 3. Tìm những tiếng có thể ghép với mỗi tiếng sau:

a) **xét:**

……

……

sét:

……..

……..

b) **xinh:**

……

……..

sinh:

……..

……..

c) **gắn:**

……

……..

gắng:

……..

……..

d) **khăng:**

……

……..

khăn:

……..

……..

Câu 4.

a) Điền vào chỗ trống **tr** hay **ch** ?

cuộn **...**òn | **...**ân thật | chậm **...**ễ

b) Đặt trên chữ in nghiêng **dấu hỏi** hay **dấu ngã** ?

Vừa dài mà lại vừa vuông
Giúp nhau **ke** chỉ, vạch đường **thăng** băng.
(*Là cái gì ?*)

Tên nghe nặng trịch
Lòng dạ **thăng** băng
Vành tai thợ mộc nằm ngang
Anh đi học **ve, săn** sàng đi theo.

(*Là cái gì ?*)

LIVEWORKSHEETS